TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 02/7/2020
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Điểu Hải

2. Bà Nông Thị Giới

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Kim Loan

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân thị xã B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Thế L, sinh năm 1976 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ 3, khu phố X, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 4, khu phố X, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Chị Bùi Thị P, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố X, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Thế L trình bày:

Anh Lê Thế L và chị Bùi Thị P tự nguyện chung sống từ năm 1995 đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B (nay là xã B, huyện Q), tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 03/2020 cho đến nay. Anh L làm đơn ly hôn với chị Bùi Thị P.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hữu P, sinh ngày: 23/12/1995 và Lê Thị Kim D, sinh ngày: 01/01/2005. Hiện nay con tên D đang sống

với chị P. Khi ly hôn anh L đồng ý để con cho chị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Lê Hữu P đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Bùi Thị P vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Bùi Thị P tham gia phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng chị P không tham gia nhưng có nộp các bản tự khai ý kiến, nguyện vọng của mình cho Tòa án thể hiện:

Chị Bùi Thị P và anh Lê Thế L tự nguyện chung sống từ năm 1995, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B (nay là xã B, huyện Q), tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường cãi nhau. Chị P bỏ qua cho anh L nhưng đến tháng 3/2018 lại xảy ra mâu thuẫn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, anh L nộp đơn ly hôn thì vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay. Anh L đi ngoại tình nên mới xin ly hôn với chị P, nay chị P không đồng ý ly hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hữu P, sinh ngày: 23/12/1995 và Lê Thị Kim D, sinh ngày: 01/01/2005. Hiện nay con tên Dung đang sống với chị P. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị Phượng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Lê Thị Kim D đến khi trưởng thành, tự lao động được và không yêu cầu anh Luyện cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Lê Hữu P đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 16/6/2020 tại nơi cư trú của đương sự xác định: Đời sống hôn nhân của anh Lvà chị Phượng có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2016 cho đến nay, nguyên nhân do anh L làm tổ trưởng đội 2, nông trường Cao su Bình Minh nên thường đi làm còn chị Phượng hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường cãi nhau. Hiện nay anh L và chị P đã sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn chị Bùi Thị P vắng mặt nhưng có bản tự khai ghi ý kiến, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn; Về con chung ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự

về việc giao con chung tên Lê Thị Kim D, sinh ngày: 01/01/2005 cho chị Bùi Thị P trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng chị Phượng không yêu cầu anh Luyện cấp dưỡng; Về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Thế L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Bùi Thị P. Chị Bùi Thị P có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại: Tổ 3, khu phố X, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Thế L, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do anh Lê Thế L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Bùi Thị P.

Bị đơn chị Bùi Thị P đã được triệu tập hợp lệ nhưng đã có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thế L và chị Bùi Thị P tự nguyện chung sống từ năm 1995, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B (nay là xã B, huyện Q), tỉnh Bình Phước. Anh L và chị P xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn năm 2016, nguyên nhân do chị Pnghĩ anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường cãi nhau, nhiều lần bỏ qua cho nhau về chung sống nhưng lại xảy ra mâu thuẫn không thể giải quyết được, vợ chồng sống ly thân từ tháng 03/2020 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, xác minh tại địa phương xác định được đời sống hôn nhân của anh L và chị P có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2016 cho đến nay, phù hợp lời khai của đương sự.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh Lê Thế L và chị Bùi Thị P mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Lê Thế L.

[3] Về con chung: Anh L và chị P có 02 con chung tên Lê Hữu P, sinh ngày: 23/12/1995 và Lê Thị Kim D, sinh ngày: 01/01/2005. Chị Phượng có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Lê Thị Kim D đến khi trưởng thành, tự lao động được và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L đồng ý để con cho

chị P nuôi, cháu D có nguyện vọng sống với mẹ. Xét thấy sự thỏa thuận trên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Con chung tên Lê Hữu P đã trưởng thành nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên là đúng quy định, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh Lê Thế L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Anh Lê Thế L. Anh Lê Thế L được ly hôn với chị Bùi Thị P.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Kim D – sinh ngày: 01/01/2005 cho Bùi Thị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, tự lao động được, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Nghiêm cấm hành vi cản trở việc thăm nom con chung

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê Thế L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004831 ngày 21/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Phước. Chị Bùi Thị P không phải chịu án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã B, Hớn Quản
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Đức

Nông Thị Giới **Điểu Hải** **Nguyễn Thành Đức**